

Số: 371 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 03 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO
Về công tác quy hoạch năm 2022 và kết quả thực hiện
Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 6268/BKHĐT-QLQH ngày 06/9/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Báo cáo về công tác quy hoạch và kết quả thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội. UBND tỉnh báo cáo về công tác quy hoạch và kết quả thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội trên địa bàn tỉnh như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC QUY HOẠCH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 61/2022/QH15 CỦA QUỐC HỘI

1. Việc thực hiện và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011-2020 khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được quyết định/phê duyệt

1.1. Về việc tiếp tục thực hiện các quy hoạch nằm trong Danh mục quy hoạch tích hợp khi các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được quyết định/phê duyệt

Thực hiện Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về Danh mục quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ về bổ sung quy hoạch tại Phụ lục Danh mục quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 của Luật. UBND tỉnh Kiên Giang đã ban hành Công văn số 59/UBND-KTTH ngày 13/01/2020 và Công văn số 1520/UBND-TH ngày 02/11/2020 hướng dẫn các ngành và địa phương tiếp tục thực hiện các quy hoạch thuộc Danh mục quy hoạch tích hợp khi các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được phê duyệt.

Trong đó, các quy hoạch được tích hợp như: Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang (năm 2018); Quy hoạch tổng

thể phát triển giao thông vận tải (2013); Quy hoạch Cụm công nghiệp (2018); Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp (2018);... Do mới được xem xét điều chỉnh quy hoạch, nên đa số các quy hoạch tích hợp cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý của địa phương trong việc triển khai thực hiện các dự án cũng như kêu gọi đầu tư trên địa bàn trong giai đoạn chờ Quy hoạch tỉnh được phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch.

1.2. Việc điều chỉnh nội dung các quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01/01/2019 theo quy định của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được quyết định/phê duyệt.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang xem xét điều chỉnh Quy hoạch quảng cáo ngoài trời (Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 31/10/2018) nhằm phục vụ yêu cầu phát triển của địa phương. Việc điều chỉnh thực hiện theo Công văn số 241/HD-BVHTTDL ngày 21/01/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Việc điều chỉnh nhằm bổ sung, điều chỉnh phụ lục danh mục cho phù hợp với các quy hoạch hạ tầng khác trên địa bàn, phục vụ triển khai các dự án và kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Rà soát, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và việc ban hành các điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành để quản lý nhà nước khi các quy hoạch bị bãi bỏ và đánh giá tác động việc bãi bỏ các quy hoạch trên

2.1. Rà soát, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch

Căn cứ báo cáo kết quả rà soát của các sở, ban, ngành cấp tỉnh về danh mục các quy hoạch hết hiệu lực tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch (09 quy hoạch), tỉnh Kiên Giang đã ban hành:

- Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 về việc bãi bỏ các quy hoạch hàng hoá, dịch vụ, sản phẩm cụ thể quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch (bãi bỏ 03 quy hoạch);

- Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 về việc bãi bỏ các quy hoạch thuộc lĩnh vực Nông nghiệp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch (05 quy hoạch);

- Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 03/03/2020 về việc bãi bỏ quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 02/03/2018 và 526/QĐ-UBND ngày 12/03/2018 về quy hoạch phát triển vận tải công cộng bằng xe buýt và xe taxi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2.2. Đánh giá sơ bộ tác động việc bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch trong quản lý nhà nước hiện nay

Việc rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch tạo một khoản trống trong quản lý các dự án đầu tư xây dựng cũng như cấp phép đầu tư dự án tại địa phương trong thời kỳ các quy hoạch mới chưa được tích hợp, phê duyệt; các văn bản, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hướng dẫn từ bộ ngành trung ương chưa được ban hành.

3. Về lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

3.1. Văn bản chỉ đạo, điều hành, đôn đốc thực hiện:

Ngày 08/5/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 620/QĐ-TTg về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 661/UBND-TH ngày 14/5/2020 về việc triển khai Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư (là cơ quan lập quy hoạch) chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành căn cứ nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt, tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện việc lập quy hoạch. Giao các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện các nhiệm vụ có liên quan.

UBND tỉnh Kiên Giang đã thống nhất lựa chọn phương án đấu thầu lựa chọn 01 đơn vị tư vấn thực hiện toàn bộ các nội dung lập quy hoạch tỉnh trừ nội dung đánh giá môi trường chiến lược giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện.

Ngày 08/4/2021, UBND tỉnh Kiên Giang tổ chức Hội nghị trực tuyến lập Quy hoạch tỉnh, nhằm nghe cơ quan lập quy hoạch báo cáo kết quả lựa chọn tư vấn lập quy hoạch và kế hoạch khảo sát lập quy hoạch tỉnh. UBND tỉnh đã

giao các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp với đơn vị tư vấn trúng thầu tổ chức thực hiện các bước lập quy hoạch tỉnh. Qua đó đã ban hành Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 21/4/2021 giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố tham gia tổ chức, phối hợp lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 13/10/2021, UBND tỉnh Kiên Giang tổ chức Hội nghị trực tuyến về định hướng chiến lược phát triển quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua hội thảo UBND tỉnh đã giao cơ quan lập quy hoạch phối hợp với đơn vị tư vấn tổng hợp các ý kiến đóng góp của các chuyên gia, nhà khoa học hoàn thiện khung định hướng chiến lược phát triển, làm cơ sở xây dựng các nội dung quy hoạch tỉnh.

UBND tỉnh Kiên Giang có đã giao¹ các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện thành phố triển khai thực hiện Công văn số 772/VPCP-CN ngày 30/01/2022 của Văn phòng Chính phủ và Công điện số 364/CD-TTg ngày 20/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 21/7/2022 UBND tỉnh ban hành Công văn số 1217/UBND-TH lấy ý kiến góp ý dự thảo Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030. Sau khi tổng hợp các ý kiến góp ý, ngày 19/9/2022, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị nghe tư vấn trình bày việc tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành và UBND các tỉnh trong vùng, hoàn thiện dự thảo quy hoạch tỉnh trước khi trình Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh.

3.2. Việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch

Qua tổ chức đấu thầu rộng rãi, lựa chọn đơn vị tư vấn, tỉnh Kiên Giang đã lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch tỉnh là Liên danh tư vấn gồm: Trường đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) - Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp (Sub-NIAPP) - Trung tâm Tư vấn phát triển kinh tế (EPCC) - Viện Nghiên cứu Chính sách Nông nghiệp và Sức khỏe (HAPRI) - Viện Quy hoạch Xây dựng Miền Nam (SISP) - Công ty TNHH Trung tâm tư vấn phát triển kinh tế Phía Nam (SEDCC).

3.3. Tiến độ triển khai thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch

- Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch: Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 08/5/2020;

¹ Công văn số 972/VP-TH ngày 10/02/2022 và Công văn số 760/UBND-TH ngày 19/05/2022 về việc đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030.

- Về lựa chọn tư vấn lập quy hoạch: Qua tổ chức đấu thầu rộng rãi, lựa chọn đơn vị tư vấn, tỉnh Kiên Giang đã lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch tỉnh là Liên danh tư vấn gồm: Trường đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) - Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp (Sub-NIAPP) - Trung tâm Tư vấn phát triển kinh tế (EPCC) - Viện Nghiên cứu Chính sách Nông nghiệp và Sức khỏe (HAPRI) - Viện Quy hoạch Xây dựng Miền Nam (SISP) - Công ty TNHH Trung tâm tư vấn phát triển kinh tế Phía Nam (SEDCC).

- Về Nội dung quy hoạch *(tính đến thời điểm lập báo cáo kết quả)*: Tháng 7/2022, tổ chức lấy ý kiến về hồ sơ Quy hoạch tỉnh và hoàn thiện quy hoạch trước khi trình thẩm định quy hoạch. Đến tháng 11/2022, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch tỉnh theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh trình UBND tỉnh.

- Hoạt động phối hợp của các cơ quan có liên quan: Các cơ quan, địa phương được giao trách nhiệm và phân công cụ thể tại Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 21/4/2021, từ đó, các ngành và địa phương chủ động làm việc với đơn vị liên danh tư vấn lập quy hoạch trong việc cung cấp tài liệu và cho ý kiến xây dựng khung định hướng, xác định tầm nhìn,... góp phần triển khai kế hoạch lập quy hoạch được nhịp nhàng, phù hợp với tiến độ chung của quy hoạch tỉnh.

Việc tổ chức lấy ý kiến về quy hoạch; Dự kiến thời gian trình thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Tính đến tháng 9/2022, tỉnh Kiên Giang đã thực hiện 01 đợt lấy ý kiến về khung chiến lược quy hoạch tỉnh và 02 lượt lấy ý kiến rộng rãi dự thảo quy hoạch tỉnh *(đăng tải trên cổng thông tin của tỉnh²)*. Hiện nay đơn vị tư vấn đang trong quá trình phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương xây dựng hoàn thiện các nội dung quy hoạch tỉnh. Tháng 7/2022, tổ chức lấy ý kiến về hồ sơ Quy hoạch tỉnh và hoàn thiện quy hoạch trước khi trình thẩm định quy hoạch. Đến tháng 10/2022, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch tỉnh theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh trình UBND tỉnh. Dự kiến tháng 11/2022 tỉnh sẽ trình Thủ tướng phê duyệt quy hoạch.

3.4. Đánh giá chung về kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại hạn chế trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

² <https://www.kiengiang.gov.vn/Trang/DuThaoVanBan/ChiTietDuThao.aspx?nid=345>.

3.4.1. Kết quả đạt được

- Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch: Việc xây dựng nhiệm vụ quy hoạch được tổ chức thực hiện đúng quy định của pháp luật. Kết quả đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 08/5/2020 về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Lập dự toán, phân bổ kinh phí lập quy hoạch: Căn cứ nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tỉnh đã thành lập Hội đồng thẩm định dự toán lập quy hoạch tỉnh³ nhằm thẩm định và phê duyệt dự toán lập quy hoạch, làm cơ sở tổ chức thực hiện việc lập quy hoạch tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 về việc phê duyệt dự toán lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Về phân bổ kinh phí lập quy hoạch: Ngay từ năm 2018, thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 178/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; trong đó ghi vốn từ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 cho nhiệm vụ lập quy hoạch là 50 tỷ đồng; phân bổ vào kế hoạch đầu tư công năm 2020 theo Nghị quyết số 272/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Hiện nay nguồn vốn lập quy hoạch được tiếp tục chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 nhằm tiếp tục thực hiện nội dung lập quy hoạch. Tính đến hết tháng 9/2022, nguồn vốn lập quy hoạch đã giải ngân 39.285,7 triệu đồng.

- Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch:

+ Hình thức lựa chọn: Đấu thầu rộng rãi trong nước.

+ Thẩm quyền: Sở Kế hoạch và Đầu tư là chủ đầu tư dự án, thuê đơn vị tư vấn đấu thầu, tổ chức đấu thầu lựa chọn tư vấn lập quy hoạch tỉnh⁴.

+ Năng lực đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Lực lượng chuyên gia tư vấn lập quy hoạch bao gồm hơn 100 chuyên gia là các Tiến sĩ, Thạc sĩ và Kỹ sư/Cử nhân có nhiều năm kinh nghiệm tham gia tư vấn lập quy hoạch kinh tế

³ Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự toán lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁴ Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan lập quy hoạch.



- xã hội, quy hoạch ngành lĩnh vực trên cả nước, hiện đang công tác tại các đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh (UEH) - Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp (Sub-NIAPP) - Trung tâm Tư vấn phát triển kinh tế (EPCC) - Viện Nghiên cứu Chính sách Nông nghiệp và Sức khỏe (HAPRI) - Viện Quy Hoạch Xây Dựng Miền Nam (SISP) - Công ty TNHH Trung tâm tư vấn phát triển kinh tế Phía Nam (SEDCC).

+ Về các nội dung khác: Hiện nay đang tổ chức thực hiện.

3.4.2 Tồn tại, hạn chế

- Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch: Quá trình xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch được tổ chức lập gần như đồng thời ở các cấp quy hoạch (quy hoạch cấp Quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh) nhằm đảm bảo mục tiêu trình Chính phủ phê duyệt trước ngày 31/12/2020⁵; Do đó, khi nhiệm vụ quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước một số quy hoạch ngành của trung ương, đã gặp một số khó khăn, trở ngại khi thực hiện yêu cầu xây dựng nội dung đề xuất tích hợp vào quy hoạch tỉnh đối với các nội dung quy hoạch ngành trung ương này⁶, do các nguyên nhân sau:

+ Quá trình thuê đơn vị tư vấn lập nội dung đề xuất tích hợp vào quy hoạch tỉnh mất nhiều thời gian do thực hiện quy trình thủ tục theo Luật đầu tư công, Luật Quy hoạch; đồng thời gây ảnh hưởng lớn đến tiến độ chung của lập quy hoạch tỉnh (vì đã thực hiện hợp đồng thuê đơn vị tư vấn lập).

+ Quá trình tổ chức lập Quy hoạch trải qua đại dịch Covid-19 trong thời gian từ cuối năm 2019 đến nay. Từng lúc ảnh hưởng đến quá trình khảo sát, tổ chức làm việc, tiếp thu, lấy ý kiến các ngành và địa phương trên địa bàn (tỉnh có áp dụng hình thức họp, hội nghị thông qua trực tuyến, tuy nhiên chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu, phải tổ chức nhiều lần).

- Về lập dự toán quy hoạch: Được áp dụng theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tuy nhiên khái niệm “ngày công quy đổi” xây dựng dự toán theo công chuyên gia chưa thực sự cụ thể, gây khó khăn trong quá trình xây dựng dự toán khi áp dụng Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội vì không rõ áp dụng theo tháng, tuần hay ngày công là đúng quy định. Đồng thời, các chi phí gián tiếp

⁵ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 2 năm 2018 về triển khai thi hành Luật Quy hoạch.

⁶ Đề nghị tích hợp hạ tầng phòng cháy chữa cháy vào quy hoạch tỉnh theo Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; lập hợp phần quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng, tích hợp vào quỹ hoạch tỉnh theo Công văn số 9297/VPCP-CN ngày 06/11/2020 và Công văn số 1133/BQP-TM ngày 22/4/2021 của Bộ Quốc phòng;

(chi phí quản lý dự án, chi phí công bố quy hoạch, chi phí khảo sát) chưa được cụ thể trong Thông tư. Chủ yếu hướng dẫn áp dụng các quy định tại các Luật khác, gây khó khăn trong quá trình áp dụng định mức.

3.4.3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

Đây là lần đầu tiên ở phạm vi cả nước áp dụng Luật Quy hoạch và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn xây dựng quy hoạch cho thời kỳ 2021-2030. Tính đến thời điểm tháng 11/2021 chưa có quy hoạch nào được phê duyệt theo quy định của Luật quy hoạch. Do đó, các căn cứ, cơ sở lập quy hoạch từ các quy hoạch cấp cao còn thiếu, khó tránh sai sót trong quá trình tổ chức lập quy hoạch ở địa phương.

- Nguyên nhân chủ quan: Do chưa có hình mẫu, quy hoạch được phê duyệt theo Luật Quy hoạch cho giai đoạn 2021-2030, đồng thời do áp lực về tiến độ triển khai Luật Quy hoạch, trình độ cán bộ địa phương được giao nhiệm vụ quản lý quy hoạch khác nhau. Do đó, khó tránh khỏi mỗi địa phương hiểu khác nhau trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Về lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và pháp luật về xây dựng

4.1. Văn bản chỉ đạo, điều hành, đôn đốc thực hiện

Sau khi Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 được ban hành.

Chính phủ đã ban hành các Nghị định hướng dẫn như: Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành các thông tư hướng dẫn như: Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/2/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn, Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị, Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 về việc ban hành Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam số 01:2021/BXD về Quy hoạch xây dựng;

4.2. Vốn, nguồn vốn bố trí lập quy hoạch, tình hình giải ngân:

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23/7/2021 về việc triển khai thực hiện lập Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện và quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, bao gồm 04 vùng (Vùng Tứ Giác Long Xuyên, Vùng Tây sông Hậu, Vùng Bán đảo Cà Mau, Vùng hải đảo); 12 quy hoạch xây dựng vùng huyện và 34 quy hoạch chung đô thị (*đính kèm*).

Tổng nguồn vốn dự kiến 134.288 triệu đồng, trong giai đoạn đến năm 2024. Được bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn tài trợ của doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Ngày 20/6/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1501/QĐ-UBND về việc phân bổ kinh phí thực hiện các dự án, quy hoạch năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; trong đó, thực hiện theo Kế hoạch số 148/KH-UBND bố trí năm 2022 là 18.773 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế.

4.3. Tiến độ lập, thẩm định, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn

(Liệt kê các kết quả thực hiện các công việc theo nội dung tại Mục b và Mục c Phụ lục 2).

4.4. Đánh giá chung về kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn

- Kết quả đạt được:

+ Công tác quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang cơ bản đã được nghiên cứu lập, thẩm định và phê duyệt phù hợp theo Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và các Nghị định, Thông tư hiện hành, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật... đáp ứng các chỉ tiêu cơ bản về

dân số, sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật theo các Đồ án Quy hoạch chung trên địa bàn các huyện, thành phố được duyệt.

+ Nhìn chung, phần lớn quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng tại các khu trung tâm huyện, thành phố của tỉnh được phê duyệt cơ bản tuân thủ theo quy định, không gian kiến trúc, hình ảnh đô thị tương đối khang trang, sạch đẹp, tạo điều kiện thuận lợi công tác xã hội hóa, kêu gọi đầu tư và quản lý các công trình công ích, công trình bảo vệ môi trường phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tồn tại, hạn chế: Hệ thống chính sách pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng đã cơ bản bao quát toàn diện các vấn đề liên quan đến công tác lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức triển khai công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch, đáp ứng yêu cầu thực tế, quy định rõ nội dung và trách nhiệm quản lý nhà nước, trách nhiệm của các chủ thể liên quan, đã thể hiện rõ hơn trách nhiệm của các cấp, các ngành và các chủ thể và đã có những đóng góp rất quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của địa phương.

- Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số bất cập dẫn đến việc tổ chức thực hiện Luật trong thời gian đầu còn lúng túng, chưa đồng bộ như:

+ Việc ban hành một số Nghị định, Thông tư hướng dẫn còn chưa kịp thời so với thời gian có hiệu lực của Luật. Một số nội dung chưa đủ rõ, việc áp dụng không thống nhất, chậm được sửa đổi bổ sung.

+ Hệ thống văn bản pháp luật thay đổi nhanh; việc sửa đổi bổ sung liên tục văn bản quy phạm pháp luật đã ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của các chủ đầu tư, các công ty tư vấn xây dựng.

+ Một số nội dung còn mâu thuẫn, chòng chéo giữa pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng với các pháp luật chuyên ngành có liên quan như: vấn đề mốc thời gian điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và vấn đề thu hồi đất trong cải tạo chính trang đô thị theo Luật Đất đai, vấn đề về nguồn vốn lập quy hoạch theo Luật Đầu tư công...

5. Về lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan

5.1. Văn bản chỉ đạo, điều hành, đơn đốc thực hiện

Đối với quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, trên địa bàn tỉnh Kiên Giang có tổ chức lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch xây dựng (*Phục lục II danh mục kèm theo Luật Quy hoạch 2017*).

Thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đất đai. Ngày 03/9/2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-230 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 20/10/2020 về việc lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm thời kỳ 2021-2025 tỉnh Kiên Giang; Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Đối với các Quy hoạch xây dựng, thực hiện Luật Xây dựng, các địa phương thực hiện theo thẩm quyền trong việc tổ chức lập Quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, phù hợp với Kế hoạch kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của tỉnh (*Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 04/10/2021 về triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 tỉnh Kiên Giang*).

5.2. Vốn, nguồn vốn bố trí lập quy hoạch, tình hình giải ngân

UBND tỉnh ban hành các quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 và Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 về việc phân bổ kinh phí thực hiện các dự án, quy hoạch năm 2021 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Trong đó, kinh phí phân bổ cho năm 2021 là 51.982 triệu đồng, năm 2022 phân bổ 72.000 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách (*các quyết định đính kèm*).

5.3. Tiến độ lập, thẩm định, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành

Tính đến tháng 7/2022, quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 các huyện và thành phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã được phê duyệt. Đối với các quy hoạch xây dựng, quy hoạch chi tiết, cơ bản hoàn thành theo kế hoạch phân bổ vốn của tỉnh.

5.4. Đánh giá chung về kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành

Kết quả: Việc tổ chức lập Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ năm 2021-2030, hoàn thành trong năm 2022 đã tạo cơ sở xây dựng các kế hoạch sử dụng đất hằng năm và 05 năm cho các địa phương, tổ chức triển khai các dự án trên địa bàn thuận lợi, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.



Hạn chế: So với quy định, việc tổ chức lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành trên địa bàn (quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất) tương đối chậm.

Nguyên nhân: Việc ban hành một số Nghị định, Thông tư hướng dẫn còn chưa kịp thời so với thời gian có hiệu lực của Luật. Một số nội dung chưa đủ rõ, việc áp dụng không thống nhất, chậm được sửa đổi bổ sung.

6. Việc xây dựng, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch

6.1. Cập nhật thông tin và cơ sở dữ liệu theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

Căn cứ yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1008/BKHĐT-QLQH ngày 05/03/2019 về việc cung cấp hồ sơ Quy hoạch để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu Quốc gia về Quy hoạch, tỉnh Kiên Giang giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cung cấp hồ sơ quy hoạch theo yêu cầu gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 318/SKHĐT-THQHKH ngày 31/3/2019).

Hiện nay Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030 chưa trình Chính phủ phê duyệt. Thực hiện theo Quy định tại điều Điều 41 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, tỉnh sẽ cập nhật thông tin và cơ sở dữ liệu về hồ sơ quy hoạch thuộc phạm vi quản lý vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch trên môi trường mạng theo quy định.

6.2. Xây dựng, hoàn thiện, vận hành Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch

Hiện nay tỉnh Kiên Giang đã giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng hệ thống địa lý GIS Bản đồ số tỉnh Kiên Giang (địa chỉ <http://125.234.103.44/dich-vu-ban-do-portal>). Nhằm số hóa và cơ sở hóa hệ thống bản đồ quy hoạch trên địa bàn tỉnh, phục vụ nhu cầu tổ chức, quản lý và ra quyết định thực hiện các dự án trên địa bàn.

6.3. Công bố và cung cấp thông tin quy hoạch: Chưa thực hiện.

7. Việc cải cách thủ tục hành chính; tổ chức thanh tra, kiểm tra, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quy hoạch và giải pháp khắc phục hạn chế trong hoạt động quy hoạch theo kết quả giám sát

Sau khi Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, UBND tỉnh sẽ trình Thủ tướng phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch, đồng thời

xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch hằng năm và năm năm. Trong đó, tỉnh sẽ phân công trách nhiệm đến từng sở, ban, ngành; địa phương và các tổ chức chính trị xã hội, cơ quan giám sát theo chức năng, thẩm quyền nhằm đảm bảo thực hiện quy hoạch đạt hiệu quả.

Đồng thời, tỉnh sẽ tích hợp Quy hoạch vào cơ sở dữ liệu Quốc gia về quy hoạch và cơ sở dữ liệu GIS của tỉnh nhằm quản lý, khai thác, sử dụng một cách đồng bộ, hiệu quả đồng thời công bố đến các tầng lớp nhân dân về quy hoạch.

Ngoài ra, theo chức năng nhiệm vụ, từng sở, ngành trên địa bàn tỉnh thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quy hoạch. Riêng đối với địa bàn thành phố Phú Quốc, tỉnh thành lập Tổ Công tác đặc biệt nhằm kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lĩnh vực đất đai, lâm nghiệp và xây dựng⁷.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

(Các khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị theo Phụ lục 3).

Trên đây là Báo cáo của UBND tỉnh Kiên Giang về công tác quy hoạch và kết quả thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- CVNC;
- Lưu: VT, vttkiểu "HT".

CHỦ TỊCH



Lâm Minh Thành

⁷ Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.

PHỤ LỤC 2

Kết quả lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch cấp quốc gia thời kỳ 2021-2030

(Kèm theo Báo cáo số 371/BC-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2022
của UBND tỉnh Kiên Giang)

A. Kết quả lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030

TT	Tên quy hoạch	Cơ quan lập quy hoạch	Số quyết định, thời gian và người phê duyệt Dự toán lập quy hoạch	Tư vấn lập quy hoạch		Cập nhật thời gian, tiến độ thực hiện				Kiến nghị, đề xuất (nếu có)
				Đã lựa chọn xong	Tên Tư vấn lập quy hoạch	Lập quy hoạch	Lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan	Trình thẩm định	Trình phê duyệt	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	UBND tỉnh Kiên Giang	Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt dự toán dự án Quy hoạch tỉnh.	Đã phê duyệt	Liên danh Trường đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) - Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp (Sub-NIAPP) - Trung tâm Tư vấn phát triển kinh tế (EPCC) -	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Dự kiến tháng 9-10/2022	Dự kiến tháng 11/2022	Không có



					Viện Nghiên cứu Chính sách Nông nghiệp và Sức khỏe (HAPRI) - Viện Quy hoạch Xây dựng Miền Nam (SISP) - Công ty TNHH Trung tâm tư vấn phát triển kinh tế Phía Nam (SEDCC)					
--	--	--	--	--	---	--	--	--	--	--

B. Kết quả lập, thẩm định và phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị (báo cáo cụ thể theo các loại quy hoạch chung, phân khu, chi tiết, hạ tầng kỹ thuật đối với từng loại đô thị)

TT	Loại đô thị	Số lượng	Số lượng quy hoạch đang được lập mới	Số lượng quy hoạch đã được phê duyet	Số lượng quy hoạch đang tiến hành điều chỉnh		Số lượng quy hoạch đã được điều chỉnh	
					Tổng thể	Cục bộ	Tổng thể	Cục bộ
	Đặc biệt							
	Loại 1							
	Loại 2							
	Quy hoạch chung	2	1		1			

	Quy hoạch phân khu							
	Quy hoạch chi tiết							
	Loại 3							
	Quy hoạch chung	1	1					
	Quy hoạch phân khu							
	Quy hoạch chi tiết							
	Loại 4							
	Quy hoạch chung	1	1					
	Quy hoạch phân khu							
	Quy hoạch chi tiết							
	Loại 5							
	Quy hoạch chung	30	30					
	Quy hoạch phân khu							
	Quy hoạch chi tiết							1



C. Kết quả lập, thẩm định và phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch nông thôn

TT	Loại đô thị	Số lượng	Số lượng quy hoạch đang được lập mới	Số lượng quy hoạch đã được phê duyệt	Số lượng quy hoạch đang tiến hành điều chỉnh		Số lượng quy hoạch đã được điều chỉnh	
					Tổng thể	Cục bộ	Tổng thể	Cục bộ
1	Kiên Giang				0	0	0	0

PHỤ LỤC 3

Rà soát khó khăn, vướng mắc của các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác quy hoạch và kiến nghị sửa đổi, bổ sung
(Kèm theo Báo cáo số 371 /BC-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

TT	Tên văn bản	Nội dung	Khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị	Ghi chú
I	Rà soát khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định của Luật Quy hoạch				
II	Rà soát khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.				
III	Rà soát khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định của Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch và Thông tư số 113/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 quy định về giá trong hoạt động quy hoạch				
	Thông tư 08/2019/TT-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	(1) Bổ sung hướng dẫn quy định, định mức cụ thể các chi phí gián tiếp lập Quy hoạch; (2) hướng dẫn cụ thể việc áp dụng ngày công quy đổi; (3) trường hợp điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch; (4) hướng dẫn việc lập bổ sung nội dung đề xuất tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo yêu cầu của các bộ ngành trung ương	(1) chi phí quản lý dự án hiện nay được áp dụng các văn bản hướng dẫn của Luật xây dựng (chi phí chung) chỉ quy về mức thấp nhất, chưa có văn bản hướng dẫn cho riêng quản lý quy hoạch; các chi phí hội thảo, công bố quy hoạch chưa có hướng dẫn thống nhất. (2) Việc áp dụng <i>ngày công</i> quy đổi không được cụ thể trong Thông tư 02/2015/TT-BLĐTBXH ở mức <i>ngày công</i> , tuần công hay tháng. (3) Trường hợp cần bổ sung nội dung đề xuất vào quy hoạch tỉnh khác với nội dung được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, chưa có	Cần sớm ban hành các hướng dẫn	



			hướng dẫn cụ thể.		
IV	Rà soát khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định pháp luật khác và các văn bản chỉ đạo, điều hành có liên quan đến quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch được ban hành				
	(1) Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 2 năm 2018 về triển khai thi hành Luật Quy hoạch; (2) Đề nghị tích hợp hạ tầng phòng cháy chữa cháy vào quy hoạch tỉnh theo Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (3) Lập hợp phần quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng, tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo Công văn số 9297/VPCP-CN ngày 06/11/2020 và Công văn số 1133/BQP-TM ngày 22/4/2021 của Bộ Quốc phòng;	Thực hiện yêu cầu xây dựng nội dung đề xuất tích hợp vào quy hoạch tỉnh đối với các nội dung quy hoạch ngành trung ương	(1) Quá trình thuê đơn vị tư vấn lập nội dung đề xuất tích hợp vào quy hoạch tỉnh cũng sẽ mất nhiều thời gian do thực hiện quy trình thủ tục theo Luật đầu tư công, luật quy hoạch; đồng thời gây ảnh hưởng lớn đến tiến độ chung của lập quy hoạch tỉnh (vì đã thực hiện hợp đồng thuê đơn vị tư vấn lập). (2) Đối với các nội dung đề xuất tích hợp chưa được phê duyệt tại nhiệm vụ quy hoạch tỉnh (thẩm quyền điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch là thủ tướng Chính phủ) sẽ mất thời gian thực hiện trình xin ý kiến điều chỉnh, một mặt hiện nay chưa có hướng dẫn về việc điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch khi quy hoạch chưa được phê duyệt.	Có hướng dẫn thủ tục bổ sung nội dung đề xuất vào quy hoạch tỉnh theo yêu cầu của Bộ, ngành trung ương khi tổ chức phối hợp xây dựng quy hoạch ngành quốc gia và tích hợp vào quy hoạch tỉnh.	



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 1504 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 20 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án
quy hoạch năm 2022 địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3149/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022 đối với các huyện, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 đối với các sở, ban, ngành tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện và quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 110/TTr-STC ngày 28 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch năm 2022 địa bàn tỉnh Kiên Giang.

1. Tổng kinh phí phân bổ: 72.000 triệu đồng (bảy mươi hai tỷ đồng), trong đó:



a) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch khác: 40.120 triệu đồng.

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch theo Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang: 18.773 triệu đồng.

c) Kinh phí lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030: 13.107 triệu đồng.

2. Nguồn thực hiện: nguồn sự nghiệp kinh tế năm 2022.

3. Chi tiết nội dung và cơ quan, đơn vị được phân bổ kinh phí: theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

1. Căn cứ số kinh phí được phân bổ tại phụ lục kèm theo tại Điều 1; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí được phân bổ đúng mục đích, đúng quy định và phải tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Giao trách nhiệm cho Sở Tài chính thông báo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách, kiểm tra việc thực hiện chi ngân sách theo luật định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị được phân bổ kinh phí tại phụ lục kèm theo tại Điều 1; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nhân

Phụ lục I

**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN QUY HOẠCH NĂM 2022
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 1504 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG QUY HOẠCH	SỐ TIỀN
	TỔNG CỘNG	40.120
A	Cấp tỉnh	2.000
I	Sở Văn hóa và Thể thao	2.000
	Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh quốc gia Ba Hòn (Hòn Đất, Hòn Me, Hòn Quéo) huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	2.000
B	Cấp huyện	38.120
I	UBND thành phố Rạch Giá	3.300
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tuyến dân cư đường Võ Trường Toản, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỷ lệ 1/500, quy mô 21,9 ha	350
2	Thiết kế đô thị riêng trục đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Cô Bắc đến đường Lê Hồng Phong), thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	400
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tuyến dân cư đường Đề Biền (giai đoạn 2: từ cống kênh Cầu Suối - đường Nguyễn Thái Bình), phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 19,79 ha	600
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư phía Tây Bắc đường Võ Trường Toản phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tỷ lệ 1/500 quy mô 39,93ha	200
5	Quy hoạch chi tiết trung tâm xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 19,9943ha	100
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực khu phố 2 và khu phố 3, phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 11,28 ha	400
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực phía tây phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 11,47ha.	400
8	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân lô mở rộng khu dân cư Cầu Suối, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500	250
9	Quy hoạch chi tiết khu vực khu phố 2 và khu phố 4 phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 15,67ha	600
II	UBND thành phố Hà Tiên	4.112
1	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng phường Pháo Đài - thành phố Hà Tiên	395
2	Quy hoạch phân khu đường trục chính ven biển vào trung tâm - thành phố Hà Tiên (giai đoạn 2)	790
3	Lập quy hoạch chi tiết đô thị tỷ lệ 1/500 khu tái định cư Rạch Ụ, phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên, quy mô 7,3365 ha	280
4	Lập quy hoạch chi tiết đô thị tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Mỹ Đức, phường Mỹ Đức, thành phố Hà Tiên, quy mô 21,3105 ha	329
5	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư dịch vụ du lịch biển Thuận Yên, xã Thuận Yên, thành phố Hà Tiên, quy mô 11,1837 ha	339
6	Lập quy hoạch phân khu đô thị, tỷ lệ 1/2000, bổ sung quy hoạch chi tiết phường Đông Hồ (khu vực Mương Đào), thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, quy mô 49,6525 ha	471
7	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm văn hóa thể dục thể thao thành phố Hà Tiên, tỷ lệ 1/500, quy mô 10,3 ha	359

STT	NỘI DUNG QUY HOẠCH	SỐ TIỀN
8	Lập quy hoạch tổng mặt bằng công viên lô 4B - đường Nguyễn Phúc Chu, khu phố 3, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 4,08 ha	227
9	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng lô A5 thuộc dự án khu đô thị mới Hà Tiên, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 9,61404 ha	335
10	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng đường vành đai Nam Đông Hồ, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 20,67 ha	587
III	UBND huyện Châu Thành	3.019
1	Chi phí lập quy hoạch chung xã Mong Thọ	503
2	Chi phí lập quy hoạch chung xã Mong Thọ A	715
3	Chi phí lập quy hoạch chung xã Mong Thọ B	641
4	Chi phí lập quy hoạch chung xã Giục Tượng	393
5	Chi phí lập quy hoạch chung xã Minh Hoà	449
6	Chi phí lập quy hoạch chung xã Bình An	318
IV	UBND huyện Tân Hiệp	1.533
1	Phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát địa hình phục vụ đồ án quy hoạch chung thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	450
2	Chi phí lập quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Trị, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/10.000	391
3	Chi phí lập quy hoạch chung xây dựng xã Tân An, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/5.000	318
4	Chi phí lập quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/5.000	374
V	UBND huyện Giồng Riềng	1.814
1	Chi phí khảo sát quy hoạch xã Hòa An	122
2	Chi phí khảo sát quy hoạch xã Hòa Thuận	101
3	Chi phí khảo sát quy hoạch xã Hòa Hưng	121
4	Chi phí khảo sát quy hoạch xã Ngọc Hòa	121
5	Chi phí khảo sát quy hoạch xã Hòa Lợi	121
6	Chi phí khảo sát quy hoạch xã Bàn Thạch	109
7	Chi phí khảo sát quy hoạch xã Vĩnh Phú	94
8	Chi phí khảo sát quy hoạch xã Ngọc Thuận	128
9	Chi phí khảo sát quy hoạch xã Ngọc Thành	110
10	Chi phí khảo sát quy hoạch xã Thạnh Bình	98
11	Chi phí khảo sát quy hoạch khu I (khu hành chính cũ)	74
12	Đồ án quy hoạch chi tiết khu II thị trấn Giồng Riềng	615
VI	UBND huyện Gò Quao	1.397
1	Quy hoạch chi tiết điều chỉnh trung tâm đua thuyền	143
2	Quy hoạch chung xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	156
3	Quy hoạch chung xã Vĩnh Thắng	113
4	Quy hoạch chung xã Vĩnh Phước B	119
5	Quy hoạch chung xã Vĩnh Phước A	125
6	Quy hoạch chung xã Vĩnh Tuy	138
7	Quy hoạch chung xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	149
8	Quy hoạch chung xã Thủy Liễu	140
9	Quy hoạch chung xã Thới Quản	159
10	Quy hoạch chung xã Định Hòa	155
VII	UBND huyện An Biên	2.057
1	Đề án công nhận thị trấn Thứ Bảy là đô thị loại V	557
2	Quy hoạch chung 05 xã	1.500
VIII	UBND huyện An Minh	3.351

11-5/2018/UBND

STT	NỘI DUNG QUY HOẠCH	SỐ TIỀN
1	Nhiệm vụ khảo sát, lập quy hoạch chi tiết cụm dân cư Kênh Hăng - KT1, xã Đông Hưng	354
2	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đông Hòa	408
3	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đông Thạnh	327
4	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đông Hưng	327
5	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đông Hưng B	302
6	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Văn Khánh	322
7	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Văn Khánh Đông	307
8	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đông Hưng A	302
9	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Tân Thạnh	311
10	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Thuận Hòa	391
IX	UBND huyện Vĩnh Thuận	1.897
1	Nhiệm vụ - phương án khảo sát cắm mốc phục vụ điều chỉnh quy hoạch chung trung tâm thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	29
2	Nhiệm vụ - phương án kỹ thuật khảo sát địa hình lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn chợ Ba Đình, xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang quy mô 20ha, tỷ lệ 1/500	94
3	Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn khu trung tâm xã Phong Đông, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang quy mô 23ha, tỷ lệ 1/500	321
4	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	374
5	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Phong Đông, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	286
6	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	421
7	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	372
X	UBND huyện U Minh Thượng	3.165
1	Đề án công nhận đô thị U Minh Thượng là đô thị loại V trực thuộc huyện U Minh Thượng	200
2	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Minh Thuận, quy mô 22 ha	411
3	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Thạnh Yên, quy mô 20 ha	418
4	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Thạnh Yên A, quy mô 20 ha	417
5	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Vĩnh Hòa, quy mô 17 ha	343
6	Cắm mốc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Thạnh Yên, quy mô 20 ha	400
7	Cắm mốc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Thạnh Yên A, quy mô 20 ha	456
8	Cắm mốc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Minh Thuận, quy mô 22 ha	320
9	Cắm mốc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Vĩnh Hòa, quy mô 17 ha	200
XI	UBND huyện Hòn Đất	886
1	Lập đề án phân loại đô thị thị trấn Hòn Đất	443
2	Lập đề án phân loại đô thị thị trấn Sóc Sơn	443
XII	UBND huyện Kiên Lương	3.050

STT	NỘI DUNG QUY HOẠCH	SỐ TIỀN
1	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết khu đô thị mới Ba Hòn, Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	600
2	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết điểm dân cư nội ô thị trấn Kiên Lương-Ba Hòn - huyện Kiên Lương	600
3	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết thị trấn Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	600
4	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông ấp Song Chính - xã Bình Trị, huyện Kiên Lương (11 ha)	750
5	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Dương Hoà (130 ha)	500
XIII	UBND huyện Giang Thành	4.231
1	Tuyến dân cư đường Cả Ngay Rạch Gổ (bờ Nam) – xã Phú Lợi (giáp kênh Hà Giang – sông Giang Thành). Quy mô 8,7 ha, tỷ lệ 1/500	487
2	Tuyến dân cư đường HT5 - xã Tân Khánh Hoà (đầu giáp xã Vĩnh Điều – đường HN1). Quy mô 22,4 ha, tỷ lệ 1/500	816
3	Tuyến dân cư đường HN2 (bờ Đông) – xã Phú Lợi, Tân Khánh Hoà (giáp Kênh HT2 – kênh Trà Phô). Tổng chiều dài tuyến 8900 mét, quy mô 26,7 Ha	700
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tuyến dân cư đường T5- bờ Đông (đầu kênh Ranh - kênh T2) xã Vĩnh Phú, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang, quy mô 24 ha, tỷ lệ 1/500	928
5	Tuyến dân cư đường HN3 (bờ Đông) – xã Phú Lợi, Tân Khánh Hoà (giáp Kênh HT2 – kênh Trà Phô). Tổng chiều dài tuyến 8900 mét, Quy mô 26,7 Ha	700
6	Đề cương - Dự toán đề án thành lập Thị trấn Tân Khánh Hòa thuộc huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang	600
XIV	UBND huyện Kiên Hải	4.318
1	Quy hoạch điểm dân cư nông thôn ấp 2, xã Hòn Tre, tỷ lệ 1/500, quy mô 53 ha	388
2	Quy hoạch điểm dân cư nông thôn ấp 3, xã Hòn Tre, tỷ lệ 1/500, quy mô 83.56 ha	1.209
3	Quy hoạch điểm dân cư nông thôn ấp Bãi Nhà A, xã Lại Sơn, tỷ lệ 1/500, quy mô 75.21 ha	1.250
4	Quy hoạch điểm dân cư nông thôn ấp Bãi Nhà B, xã Lại Sơn, tỷ lệ 1/500, qu mô 40.05 ha	748
5	Chương trình phát triển đô thị Hòn Tre đến năm 2025	262

Phụ lục II

**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN QUY HOẠCH NĂM 2022
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG THEO KẾ HOẠCH SỐ 148/KH-UBND NGÀY 23/7/2021 CỦA UBND
TỈNH KIÊN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG QUY HOẠCH	SỐ TIỀN
	TỔNG CỘNG	18.773
I	UBND thành phố Rạch Giá	2.550
1	Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040	2.000
2	Khảo sát địa hình phục vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040	550
II	UBND thành phố Hà Tiên	1.760
	Khảo sát địa hình lập quy hoạch chung thành phố và khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040	1.760
III	UBND huyện Tân Hiệp	1.644
1	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang đến năm 2035	800
2	Chi phí lập quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/10.000	426
3	Chi phí lập quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/10.000	426
IV	UBND huyện Giồng Riềng	1.500
1	Quy hoạch chung thị trấn Giồng Riềng	800
2	Quy hoạch vùng huyện Giồng Riềng	700
V	UBND huyện Gò Quao	800
	Quy hoạch chung thị trấn Gò Quao	800
VI	UBND huyện An Biên	1.000
1	Quy hoạch chung thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên đến năm 2035	1.000
VII	UBND huyện An Minh	999
1	Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Thứ 11, huyện An Minh	342
2	Nhiệm vụ quy hoạch vùng huyện	657
VIII	UBND huyện Vĩnh Thuận	1.255
1	Lập đồ án, nhiệm vụ quy hoạch chung thị trấn Vĩnh Thuận	900
2	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	355
IX	UBND huyện U Minh Thượng	1.200
1	Quy hoạch chung xây dựng đô thị huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, quy mô 2.321,06 ha	500
2	Quy hoạch xây dựng vùng huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	700
X	UBND huyện Hòn Đất	2.768
1	Quy hoạch xây dựng vùng huyện	594
2	Khảo sát địa hình lập quy hoạch chung thị trấn Hòn Đất	550
3	Lập nhiệm vụ, lập đồ án quy hoạch chung thị trấn Hòn Đất	406
4	Khảo sát địa hình lập quy hoạch chung thị trấn Sóc Sơn	518

5	Lập nhiệm vụ, lập đồ án quy hoạch chung thị trấn Sóc Sơn	700
XI	UBND huyện Kiên Lương	1.947
1	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Lương tỉnh Kiên Giang đến năm 2040	978
2	Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000	969
XII	UBND huyện Giang Thành	1.350
1	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000.	300
2	Quy hoạch chung đô thị Tân Khánh Hòa	525
3	Quy hoạch chung đô thị Vĩnh Phú (huyện Giang Thành)	525



ỦY BAN NHÂN DÂN

TỈNH KIÊN GIANG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục III

**TỔNG HỢP KINH PHÍ LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
THỜI KỲ 2021-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Kính theo Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	13.107	
1	UBND thành phố Rạch Giá	1.388	
2	UBND thành phố Hà Tiên	621	
3	UBND huyện Châu Thành	1.191	
4	UBND huyện Giồng Riềng	1.605	
5	UBND huyện Gò Quao	1.313	
6	UBND huyện An Biên	955	
7	UBND huyện An Minh	765	
8	UBND huyện Vĩnh Thuận	894	
9	UBND huyện U Minh Thượng	933	
10	UBND huyện Hòn Đất	1.085	
11	UBND huyện Kiên Lương	835	
12	UBND huyện Giang Thành	830	
13	UBND huyện Kiên Hải	692	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

Số: 1557/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án
quy hoạch năm 2021 địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021 đối với các huyện, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 đối với các sở, ban, ngành tỉnh.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 289/TTr-STC ngày 30 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch năm 2021 địa bàn tỉnh Kiên Giang.

1. Tổng kinh phí phân bổ: 51.982 triệu đồng (năm mươi một tỷ, chín trăm tám mươi hai triệu đồng).

2. Nguồn thực hiện:

a) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch: 37.251 triệu đồng.

b) Kinh phí lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030: 14.731 triệu đồng.



3. Chi tiết nội dung và cơ quan, đơn vị được phân bổ kinh phí: theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

1. Căn cứ số kinh phí được phân bổ tại phụ lục kèm theo tại Điều 1; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí được phân bổ đúng mục đích, đúng quy định và phải tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Giao trách nhiệm cho Sở Tài chính thông báo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách, kiểm tra việc thực hiện chi ngân sách theo luật định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị được phân bổ kinh phí tại phụ lục kèm theo tại Điều 1; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *l.muo*

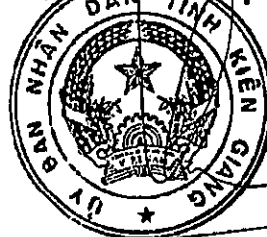
Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknghuyen.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chín

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ DỰ ÁN QUY HOẠCH
NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung quy hoạch	Tổng nhu cầu đủ điều kiện bố trí	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	37.251	
A	Cấp tỉnh	3.386	
I	Sở Văn hóa và Thể thao	3.257	
1	Quy hoạch tổng thể bảo tồn phát huy giá trị khu DSLS và thắng cảnh núi Mo So huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	801	
2	Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh quốc gia núi Bình San và phụ cận, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang	2.456	
II	Sở Xây dựng	129	
1	Lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc, đô thị, đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	129	
B	Cấp huyện	33.865	
I	Thành phố Rạch Giá	2.572	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Rạch Giá, Kiên Giang đến năm 2040	772	
2	Khảo sát địa hình phục vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Rạch Giá, Kiên Giang đến năm 2040	600	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tuyến dân cư đường Đề Biễn (giai đoạn 2: từ Cổng kênh cầu suối - đường Nguyễn Thái Bình), phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 19,79 ha	500	
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư phía Tây Bắc đường Võ Trường Toản, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 30,3 ha	700	
II	Thành phố Hà Tiên	3.245	
1	Quy hoạch phân khu đô thị bổ sung quy hoạch phân khu phường Pháo Đài (khu vực Núi Đền)	601	
2	Quy hoạch phân khu đô thị khu dân cư dịch vụ du lịch đường Bãi Nỏ	404	
3	Khảo sát địa hình phục vụ quy hoạch chung thành phố và khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040	2.240	
III	Huyện Châu Thành	2.745	
1	Quy hoạch chung xã Vĩnh Hòa Hiệp	440	
2	Quy hoạch chung xã Vĩnh Hòa Phú	430	
3	Quy hoạch chung xã Thạnh Lộc	440	

4	điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Mong Thọ A	411	
5	điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Mong Thọ B	410	
6	Quy hoạch chung thị trấn Minh Lương	398	
7	Quy hoạch vùng huyện	216	
IV	Huyện Giồng Riềng	2.531	
1	Chi phí lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000	713	
2	Chi phí khảo sát địa hình, lập nhiệm vụ, quy hoạch trụ sở Công an huyện Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, quy mô 5,2ha, tỷ lệ 1/500	41	
3	Chi phí lập nhiệm vụ, quy hoạch trụ sở Công an huyện Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, quy mô 5,2ha, tỷ lệ 1/500	435	
4	Chi phí khảo sát địa hình, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, quy mô 24,9ha, tỷ lệ 1/500	58	
5	Chi phí khảo sát địa hình, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, quy mô 25,22ha, tỷ lệ 1/500	71	
6	Đề án phát triển đô thị thị trấn Giồng Riềng	300	
7	Đề cương phát triển đô thị thị trấn	300	
8	Đề cương phát triển đô thị thị trấn Long Thạnh loại V	300	
9	Chi phí phê duyệt đề cương kinh phí khảo sát đánh giá mức độ nguy hiểm của kết cấu công trình (khu trong)	227	
10	Chi phí phê duyệt đề cương kinh phí khảo sát đánh giá mức độ nguy hiểm của kết cấu công trình (khu ngoài)	86	
V	Huyện Gò Quao	2.526	
1	Lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000	519	
2	Đề án công nhận thị trấn Gò Quao là đô thị loại V trực thuộc huyện Gò Quao	558	
3	Cắm mốc quy hoạch cụm dân cư vượt lũ 03 xã: Định Hòa, Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Vĩnh Hòa Hưng Nam	253	
4	Điều chỉnh quy hoạch chung 10 xã nông thôn mới	111	
5	điều chỉnh quy hoạch chi tiết trung tâm 03 xã: Thới Quản, Vĩnh Phước A, Định Hòa	106	
6	Quy hoạch chung thị trấn Gò Quao	979	
VI	Huyện An Biên	2.500	
1	Lập quy hoạch chung xã Nam Thái	600	
2	Lập quy hoạch chung xã Nam Yên	650	
3	Lập quy hoạch chung xã Tây Yên	600	
4	Lập đề cương, dự toán đề án công nhận đô thị Thứ Ba loại IV	650	
VII	Huyện An Minh	2.768	
1	Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Thứ 11, huyện An Minh	146	
2	Nhiệm vụ khảo sát, lập quy hoạch chi tiết cụm dân cư Mười Quang - K'11, xã Đông Thạnh	365	

3	Nhiệm vụ khảo sát, lập quy hoạch chi tiết cụm dân cư Kim Quy, xã Vân Khánh	324	
4	Nhiệm vụ khảo sát, lập quy hoạch chi tiết Cụm dân cư Phán Linh - KTT, xã Đông Hòa	399	
5	Nhiệm vụ quy hoạch vùng huyện	1.534	
VIII Huyện Vĩnh Thuận		2.049	
1	Phê duyệt đề cương và dự toán lập đề án đề nghị công nhận thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang là đô thị loại IV	897	
2	Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn chợ Ba Đình, xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, quy mô 20 ha, tỷ lệ 1/500	286	
3	Phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát địa hình lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn khu trung tâm xã Phong Đông, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, quy mô 23 ha, tỷ lệ 1/500	108	
4	Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn khu trung tâm xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, quy mô 24 ha, tỷ lệ 1/500	321	
5	Phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát địa hình lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn khu trung tâm xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, quy mô 24 ha, tỷ lệ 1/500	115	
6	Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn khu trung tâm xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, quy mô 15 ha, tỷ lệ 1/500	249	
7	Phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát địa hình lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn khu trung tâm xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, quy mô 15 ha, tỷ lệ 1/500	73	
IX Huyện U Minh Thượng		4.204	
1	Cắm mốc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm hành chính huyện U Minh Thượng, quy mô 34ha	151	
2	Cắm mốc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm thương mại huyện U Minh Thượng, quy mô 48,42ha	383	
3	Cắm mốc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trung tâm xã An Minh Bắc, quy mô 23ha	179	
4	Cắm mốc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Hòa Chánh, quy mô 22ha	159	
5	Điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Thạnh Yên	426	
6	Điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Thạnh Yên A	372	
7	Điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Hòa	374	
8	Điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hòa Chánh	427	
9	Điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Minh Thuận	527	
10	Điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã An Minh Bắc	443	
11	Quy hoạch chung xây dựng đô thị U Minh Thượng, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, quy mô 2,321,06ha	600	

12	Điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chung xây dựng trung tâm huyện, quy mô 453,17 ha	163	
X	Huyện Hòn Đất	2.660	
1	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn xã Bình Sơn, tỷ lệ 1/500.	665	
2	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn xã Mỹ Thái, tỷ lệ 1/500.	665	
3	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn xã Mỹ Thuận, tỷ lệ 1/500.	665	
4	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn xã Mỹ Hiệp Sơn, tỷ lệ 1/500.	665	
XI	Huyện Kiên Lương	2.433	
1	Quy hoạch chi tiết dự án di dân thiên tai sạt lở núi Ba Hòn, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 29.134 m ²	356	
2	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Lương tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000	149	
3	Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000	576	
4	Quy hoạch phân khu đô thị Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, quy mô 2.111 ha, tỷ lệ 1/2.000	1.352	
XII	Huyện Giang Thành	3.150	
1	Tuyến dân cư Hà Giang HN1 (bờ Nam) – xã Phú Lợi (giáp quốc lộ N1 - kênh HN2). Tổng chiều dài tuyến 2.666 mét, Quy mô 10,86 Ha	393	
2	Tuyến dân cư đường Trà Phô (bờ Nam) – xã Phú Mỹ (đầu giáp khu dân cư chợ Trà Phô – ranh huyện Kiên Lương). Tổng chiều dài tuyến 9000 mét, Quy mô 36 Ha	1.169	
3	Tuyến dân cư Nam Vĩnh Tế - xã Tân Khánh Hoà (đầu giáp kênh Hà Giang - kênh Hà Giang (cũ). Tổng chiều dài tuyến 3500 mét, Quy mô 10,5 ha	529	
4	Tuyến dân cư đường HN1 (bờ Đông) – xã Phú Lợi, Tân Khánh Hoà (giáp Kênh HN2 - kênh Trà Phô). Tổng chiều dài tuyến 8900 mét, Quy mô 26,7 Ha	1.059	
XIII	Huyện Kiên Hải	482	
1	Cắm mốc khu quy hoạch mở rộng lấn biển khu dân cư Hòn Tre	263	
2	Cắm mốc khu quy hoạch lấn biển Hòn Ngang, xã Nam Du	219	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II
TỔNG HỢP KINH PHÍ LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 TRÊN ĐỊA
BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	14.731	
1	Thành phố Rạch Giá	1.388	
2	Thành phố Hà Tiên	979	
3	Huyện Châu Thành	1.191	
4	Huyện Tân Hiệp	977	
5	Huyện Giồng Riềng	1.605	
6	Huyện Gò Quao	1.313	
7	Huyện An Biên	875	
8	Huyện An Minh	1.134	
9	Huyện Vĩnh Thuận	895	
10	Huyện U Minh Thượng	934	
11	Huyện Hòn Đất	1.085	
12	Huyện Kiên Lương	835	
13	Huyện Giang Thành	830	
14	Huyện Kiên Hải	692	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 118 /KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 23 tháng 7 năm 2021

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện
và quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025**

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấn chỉnh công tác quy hoạch xây dựng, quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh Kiên Giang nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Chương trình số 09-CTr/TU ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tỉnh ủy về Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng vùng huyện, vùng liên huyện; quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, với nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Rà soát, cụ thể hóa Đồ án Quy hoạch xây dựng (QHXD) vùng tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 tại Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 02/6/2010; Chương trình Phát triển đô thị toàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 tại Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 28/04/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 388/QĐ-TTg ngày 10/04/2018; Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức triển khai các QHXD vùng liên huyện, vùng huyện và quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, làm cơ sở để triển khai lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị.

- Phân công cụ thể cho các Sở, ban ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các



huyện, thành phố để chủ động triển khai, phối hợp, thực hiện QHXD, quy hoạch đô thị theo kế hoạch.

2. Yêu cầu

- Các quy hoạch cần được tiến hành khẩn trương, đảm bảo chất lượng, đồng bộ, có sự phối hợp giữa các Sở, ban ngành, địa phương và các đơn vị tư vấn có liên quan, đáp ứng tiến độ.

- Đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, phù hợp thực tiễn quản lý và phát triển; đảm bảo trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt QHXD, quy hoạch đô thị theo đúng quy định pháp luật.

II. NỘI DUNG

1. Đối với QHXD vùng liên huyện

- Triển khai lập QHXD vùng liên huyện cho 4 vùng gồm: vùng tứ giác Long Xuyên, vùng Tây Sông Hậu, vùng bán đảo Cà Mau (vùng U Minh Thượng) và vùng hải đảo.

- Ưu tiên lập QHXD vùng tứ giác Long Xuyên và vùng hải đảo trong năm 2023. Tiếp tục triển khai lập QHXD vùng Tây Sông Hậu và vùng bán đảo Cà Mau (vùng U Minh Thượng) trong năm 2024.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm)

2. Đối với QHXD vùng huyện

- Tổ chức thực hiện QHXD vùng huyện đã phê duyệt theo quy định của pháp luật đối với các huyện Tân Hiệp, Giồng Riềng, Gò Quao.

- Đẩy nhanh tiến độ công tác lập, thẩm định, trình phê duyệt QHXD vùng huyện cho các huyện Kiên Lương, Vĩnh Thuận, An Biên; tập trung hoàn thành trong năm 2021.

- Tiếp tục tổ chức lập QHXD vùng huyện cho các huyện Châu Thành, Hòn Đất, An Minh, U Minh Thượng và Giang Thành trong giai đoạn 2021 - 2022; tập trung hoàn thành trong năm 2022.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm)

3. Đối với Quy hoạch chung đô thị

- Tổ chức lập mới hoặc điều chỉnh các đồ án Quy hoạch chung đô thị trình cấp thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở rà soát điều chỉnh Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết, tạo hành lang pháp lý để thu hút và kêu gọi đầu tư phát triển đô thị. Cụ thể như sau:

+ Trong năm 2021: tập trung đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các đồ án như: điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Rạch Giá đến năm 2040, điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Kiên Lương đến năm 2040, Quy hoạch chung đô thị mới Tắc Cậu, Quy hoạch chung đô thị Kiên Hải; trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Quy hoạch chung thành phố và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên đến năm 2040.

+ Giai đoạn 2021 - 2022: tổ chức lập Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc đến năm 2040; tổ chức lập Quy hoạch chung đô thị mới Thổ Sơn, Quy hoạch chung đô thị U Minh Thượng; tổ chức lập Quy hoạch chung các đô thị Minh Lương, Tân Hiệp, Giồng Riềng, Gò Quao, Thứ Ba, Thứ 11, Vĩnh Thuận, Hòn Đất, Sóc Sơn trên phạm vi toàn thị trấn.

+ Giai đoạn 2022 - 2023: tổ chức lập điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Tân Khánh Hòa (huyện Giang Thành), đô thị Thuận Hưng (huyện Giồng Riềng), đô thị Thứ 7 (huyện An Biên); tổ chức lập Quy hoạch chung các đô thị Hòn Tre, An Sơn, Lại Sơn, Nam Du (huyện Kiên Hải), Xẻo Nhàu (huyện An Minh).

+ Giai đoạn 2023 - 2024: tổ chức lập Quy hoạch chung các đô thị Mỹ Lâm (huyện Hòn Đất), Vĩnh Phú (huyện Giang Thành), Thạnh Đông A, Thạnh Đông, Cây Dương (huyện Tân Hiệp), Định An (huyện Gò Quao), Long Thạnh (huyện Giồng Riềng), Bình Minh (huyện Vĩnh Thuận), Nhà Ngang (huyện U Minh Thượng).

(Chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm).

4. Đối với Quy hoạch phân khu đô thị (tại các đô thị Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc) và Quy hoạch chi tiết khu trung tâm thị trấn, đô thị (tại các địa phương còn lại)

Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức lập các đồ án quy hoạch này trong giai đoạn 2021 - 2023 phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) xem xét, tham mưu, chỉ đạo.

III. KINH PHÍ

- Tổng kinh phí dự kiến để lập các QHXD liên huyện, vùng huyện và Quy hoạch chung đô thị trong cả giai đoạn 2020 - 2024 khoảng 134.288 triệu đồng. Trong đó:

+ Kinh phí lập các QHXD vùng liên huyện là khoảng: 17.024 triệu đồng.

+ Kinh phí lập các QHXD vùng huyện là khoảng: 25.629 triệu đồng.

+ Kinh phí lập các Quy hoạch chung đô thị khoảng: 91.635 triệu đồng.

- Tổng kinh phí dự kiến được phân kỳ theo các năm

(Chi tiết tại Phụ lục 4 đính kèm).

- Nguồn vốn thực hiện các đồ án quy hoạch dự kiến sử dụng từ các nguồn: vốn ngân sách nhà nước, vốn tài trợ của doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác. Đối với quy hoạch vùng liên huyện, vùng huyện sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Đối với quy hoạch chung đô thị kết hợp sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn tài trợ từ các doanh nghiệp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng

- Tổ chức lập, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các QHXD vùng liên huyện trên địa bàn tỉnh. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng

nhân dân tỉnh quyết định trước khi phê duyệt các đồ án QHXD vùng liên huyện.

- Tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các đồ án QHXD vùng huyện, quy hoạch chung đô thị.

- Tổ chức lập Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc đến năm 2040. Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo thẩm quyền.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung thành phố và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên theo thẩm quyền.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc

- Phối hợp với Sở Xây dựng, các Sở, ban ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc đến năm 2040 theo thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc rà soát, xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch phân khu chức năng trên địa bàn quản lý trong giai đoạn 2021 - 2023 phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

- Phối hợp Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên và các ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung thành phố và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên, Sở Xây dựng và các ngành có liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng này trong Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên trong gian đoạn 2022-2023, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc

- Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, các Sở, ban ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc đến năm 2040 theo thẩm quyền.

- Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc rà soát, xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch đô thị, QHXD trên địa bàn thành phố Phú Quốc.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

Quy hoạch chung thành phố và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên theo thẩm quyền.

- Rà soát, xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch phân khu chức năng trên địa bàn quản lý (trừ các khu chức năng thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên) trong giai đoạn 2021 - 2023 phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ngành có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Xây dựng có ý kiến thống nhất trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền đối với điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Rạch Giá đến năm 2040.

- Rà soát, xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch phân khu chức năng trên địa bàn quản lý (trừ các khu chức năng thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên) trong giai đoạn 2021 - 2023 phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

7. Ủy ban nhân dân các huyện còn lại thuộc tỉnh

- Khẩn trương thực hiện tổ chức lập QHXD vùng huyện, quy hoạch chung đô thị trên địa bàn huyện đáp ứng quy định của pháp luật và kế hoạch này.

- Rà soát, xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết đô thị trên địa bàn quản lý trong giai đoạn 2021 - 2023 phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

8. Sở Tài chính

Cân đối, đảm bảo nguồn kinh phí (theo phân kỳ) để các huyện, thành phố thực hiện công tác lập quy hoạch đảm bảo theo Kế hoạch này.

9. Các Sở: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Nghiên cứu, tham gia sâu các lĩnh vực của ngành quản lý vào công tác lập QHXD vùng huyện, quy hoạch đô thị. Đặc biệt là quy hoạch các công trình trọng điểm của ngành, phải rà soát thống nhất với QHXD, quy hoạch đô thị.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phải bám sát QHXD vùng huyện, quy hoạch đô thị đã được lập, phê duyệt, đảm bảo tính thống nhất.

11. Các Sở, ban ngành khác có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tham gia tích cực và có hiệu quả vào quá trình lập, thẩm định QHXD vùng liên huyện, vùng huyện và quy hoạch chung đô thị.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện lập Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện và Quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phối hợp, đề xuất về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) để chỉ đạo xử lý.

Giao Sở Xây dựng làm cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ 06 tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- Ban QLKKT Phú Quốc;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP; P.KT; P.TH;
- Lưu: VT, hđtn.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nhân

Phụ lục I
DANH MỤC LẬP CÁC QHXD VÙNG LIÊN HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Kế hoạch số 148 /KH-UBND ngày 23 /7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên quy hoạch	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Kế hoạch triển khai				
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	QHXD vùng liên huyện	17.024					
1	Vùng Tứ giác Long Xuyên	4.985			x		
2	Vùng Tây Sông Hậu	4.476				x	
3	Vùng U Minh Thượng	4.396				x	
4	Vùng hải đảo	3.167			x		

Phụ lục II
DANH MỤC LẬP CÁC QHXD VÙNG HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Kế hoạch số 148 /KH-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên quy hoạch	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Kế hoạch triển khai				Ghi chú
			Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	
II	QHXD Vùng huyện	25.629					
1	Vùng huyện Gò Quao	2.155	x				(Đã ghi vốn GD 2016-2020)
2	Vùng huyện Giồng Riềng	2.377	x				
3	Vùng huyện Tân Hiệp	2.150		x			
4	Vùng huyện An Biên	2.616		x			(Đã ghi vốn)
5	Vùng huyện Kiên Lương	2.140		x			
6	Vùng huyện Vĩnh Thuận	2.134		x			
7	Vùng huyện Châu Thành	2.382		x			Tạm tính
8	Vùng huyện Hòn Đất	2.968		x			Tạm tính
9	Vùng huyện An Minh	2.410		x			Đang lập nhiệm vụ
10	Vùng huyện U Minh Thượng	2.163		x			Tạm tính
11	Vùng huyện Giang Thành	2.134		x			Đang lập nhiệm vụ
12	Vùng huyện Kiên Hải (QHXCĐ các xã đảo thuộc huyện Kiên Hải)			x			Vốn tài trợ

*** Ghi chú:**

- Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 23/12/2020.
- Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 23/12/2020.
- Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang đến năm 2035 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 11/05/2021.
- Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2610/QĐ-UBND ngày 12/11/2019.
- Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.
- Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 31/10/2020.
- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập tại Công văn số 881/VP-KT ngày 08/02/2021 của Văn phòng UBND tỉnh.
- Quy hoạch xây dựng vùng huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập tại Công văn số 882/VP-KT ngày 08/02/2021 của Văn phòng UBND tỉnh.
- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, Hòn Đất, U Minh Thượng đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập tại Thông báo số 374/TB-VP ngày 01/06/2021 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang.
- Quy hoạch chung xây dựng các xã đảo huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương cho Công ty Tư vấn ĐTXD Kiên Giang tài trợ sản phẩm tại công văn số 1104/VP-KTCN ngày 05/03/2019 của Văn phòng UBND tỉnh.

Phụ lục III
DANH MỤC LẬP CÁC QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Kế hoạch số 148 /KH-UBND ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên quy hoạch	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Kế hoạch triển khai				Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
III	Quy hoạch chung đô thị	91.635					
1	Điều chỉnh QHC thành phố Rạch Giá	6.326	x				Đã ghi vốn GD 2016-2020
2	QHC thành phố Phú Quốc		x				Vốn tài trợ
3	QHC thành phố và Khu KT cửa khẩu Hà Tiên	12.600	x				Đã ghi vốn GD 2016-2020
4	QHC đô thị Kiên Lương	2.421	x				Đã phê duyệt NVQH
5	QHC đô thị Hòn Đất	3.651		x			Tạm tính
6	QHC đô thị Sóc Sơn	3.836		x			Tạm tính
7	QHC đô thị Tân Hiệp	4.039	x				Đã có chủ trương
8	QHC đô thị Minh Lương	4.250	x				Đã có chủ trương
9	QHC đô thị Giồng Riềng	4.004	x				Đã có chủ trương
10	QHC đô thị Gò Quao	2.694	x				Đã có chủ trương
11	QHC đô thị Thứ Ba	3.571	x				Đã có chủ trương
12	QHC đô thị Thứ 11	3.188		x			Đã có chủ trương 433 ha
13	QHC đô thị Vĩnh Thuận	3.665		x			Tạm tính
14	QHC đô thị Hòn Tre	2.500			x		Tạm tính
15	QHC đô thị Tân Khánh Hòa (Đầm Chít)	2.737			x		Tạm tính
16	QHC đô thị U Minh Thượng	2.892		x			Đã có chủ trương
17	QHC đô thị Thứ Bảy	2.753			x		Tạm tính
18	QHC đô thị Thổ Châu	2.746					Tạm tính
19	QHC đô thị mới Tắc Cậu	1.034	x				Đã ghi vốn GD 2016-2020
20	QHC đô thị An Sơn	2.734			x		Tạm tính
21	QHC đô thị Lại Sơn	3.140			x		Tạm tính
22	QHC đô thị Thuận Hưng	1.034			x		Tạm tính
23	QHC đô thị Xẻo Nhàu	1.034			x		Tạm tính
24	QHC đô thị Nam Du	2.851			x		Tạm tính
25	QHC đô thị Thổ Sơn	2.629		x			Tạm tính

STT	Tên quy hoạch	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Kế hoạch triển khai				Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
26	QHC đô thị Mỹ Lâm	1.034				x	Tạm tính
27	QHC đô thị Vĩnh Phú (Giang Thành)	1.034				x	Tạm tính
28	QHC đô thị Thạnh Đông A (Tân Hiệp)	1.034				x	Tạm tính
29	QHC đô thị Thạnh Đông (Tân Hiệp)	1.034				x	Tạm tính
30	QHC đô thị Cây Dương (Tân Hiệp)	1.034				x	Tạm tính
31	QHC đô thị Định An (Gò Quao)	1.034				x	Tạm tính
32	QHC đô thị Long Thạnh (Giồng Riềng)	1.034				x	Tạm tính
33	QHC đô thị Bình Minh (Vĩnh Thuận)	1.034				x	Tạm tính
34	QHC đô thị Nhà Ngang (U Minh Thượng)	1.034				x	Tạm tính

Ghi chú:

- Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Rạch Giá đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 19/3/2020.
- Nhiệm vụ quy hoạch chung thành phố và khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 29/QĐ-TTg ngày 07/01/2020.
- Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn 739/TTg-CN ngày 08/6/2018.
- Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Kiên Lương huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000 đã được UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tại Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 và Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 08/06/2020.
- Quy hoạch chung đô thị Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập mới tại Công văn số 1897/VP-KTCN ngày 06/4/2020.
- Quy hoạch chung đô thị Minh Lương theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1370/VP-KTCN ngày 16/3/2020.
- Quy hoạch chung đô thị mới Tắc Cậu, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tại Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 23/11/2018.
- Quy hoạch chung đô thị Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập mới tại Công văn số 3006/VP-KTCN ngày 26/05/2020.
- Quy hoạch chung đô thị Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập mới tại Công văn số 3006/VP-KTCN ngày 26/05/2020.
- Quy hoạch chung đô thị Thới Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập mới tại Công văn số 3854/VP-KTCN ngày 30/06/2020.
- Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Thứ I đến năm 2030, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 25/11/2019.
- Quy hoạch chung đô thị U Minh Thượng, huyện U Minh Thượng đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập mới tại Công văn số 6181/VP-KT ngày 05/10/2020.

Phụ lục IV
BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ DỰ KIẾN LẬP CÁC QHXD VÙNG LIÊN
HUYỆN, VÙNG HUYỆN VÀ QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ
(Kèm theo Kế hoạch số 448 /KH-UBND ngày 23 /7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên quy hoạch	Thành tiền (triệu đồng)					
		Giai đoạn 2020-2024	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
I	QHXD Vùng liên huyện	17.024				8.152	8.872
II	QHXD Vùng huyện	25.629	4.532	21.097			
III	Quy hoạch chung đô thị	91.635	18.926	22.013	19.861	21.529	9.306
	TỔNG CỘNG	134.288	23.458	43.110	19.861	29.681	18.178